

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/12/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+BK6+BK3	7:25	16+4+0	0+0+0		15+5+0	0+0+0	CHUYEN 2 BK6 BK3
2		CLO+P5+P2	7:25	3+1+18	0+0+0		2+0+20	0+0+0	
3		TD2-RC4	7:25	18	0		11	0	
4		RP3+RP2+P1	9:25	4+5+13	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
5		P2+PVD2	9:25	21+0	0+0		18+4	0+0	
6		TD ₃ BK3+P1+TTc1	11:25	7+11+2	0+0+0		6+14+2	0+0+0	
7		VSP01+BK5+P2	11:25	21+0+0	0+0+0		0+3+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ĐI VỀ TRONG NGÀY BK5-2NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: BK5 - BK6 - BK3	CREW: Khang - Duong - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THU	BK5					65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	BK5					70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG KIEN	BK5	11	1	7		75	MMS-SOT	Vietnamese
4	LE VAN TUAN	BK5	12	1	6		65	MMS-SOT	Vietnamese
5	LE VAN HUNG	BK5	06	1	10		70	MMS-SOT	Vietnamese
6	NGUYEN VAN RIN	BK5	09	1	7		67	MMS-SOT	Vietnamese
7	NGUYEN THANH LUAN	BK5	13	1	9		55	MMS-SOT	Vietnamese
8	LE DUC THANH	BK5	05	1	10		56	MMS-SOT	Vietnamese
9	LE THANH LAP	BK5	08	1	7		53	MMS-SOT	Vietnamese
10	PHAM HUU CUONG	BK5	07	1	5		70	MMS-SOT	Vietnamese
11	PHAM LE THAI DAO	BK5	22-23	2	10		70	MMS-SOT	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC QUOC	BK5	03-04	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	02	1	3	50	60	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VAN THAP	BK5	17-18	2	15	15	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	BK5	14	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	PHAM VAN VIET	BK5	10	1	4		65	PSV	Vietnamese
17	LE NGOC AN	BK6	18-19	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU QUYNH AN	BK6	17	1	5		107	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG DUC LINH	BK6	3000	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN PHE	BK6	16	1	5	50	64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	16	17	104	1.046	65	15		CHUYEN 02 PAX TU BK6 SANG BK3
2	BK6	4	5	26	325	50	5		
3	BK3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	22	130	1.371	115	20		
WEIGHT KG				130	1.371	115			

GRAND TOAL: 1.616 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CLO - P5 - P2	CREW: Vậ - D Nam - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HỮU KÊ	CLO	36-38	3	15		86	KHOAN	Vietnamese
2	HA KHUONG DUY	CLO	39-40	2	15		61	KHOAN	Vietnamese
3	MAI MANH KHANH CUONG	CLO	41-42	2	12		91	KH-THAC	Vietnamese
4	KARPUNIN A.V	P5	99	1	15		100	KHOAN	Russian
5	TÔ ĐÌNH TŨ	P2	88	1	4		65	YTE	Vietnamese
6	BAGRAMOV A.	P2	93-94	2	12		94	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	86	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	600	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MINH ĐỨC	P2	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	87	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC HUY	P2	98	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN BA ĐÔNG	P2	95	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	96	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN TŨ	P2	199	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN HIỆU	P2	85	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN NAM	P2	198	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	99	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHŨ HỮU	P2	90-91	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	84	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	200	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THO DUNG	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P2	97	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	7	42	238	0	3		
2	P5	1	1	15	100	0	0		
3	P2	18	19	92	1.249	0	19		
TOTAL		22	27	149	1.587	0	22		
WEIGHT KG				149	1.587	0			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:33
FLIGHT: 03	TO: TD2 - RC4	CREW: HLONG - ĐTrung	ETA: 10:30
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TOÀN	TD2	80-81	2	18	65	75	DUNG QU	Vietnamese
2	TRƯỜNG HỮU VƯỢNG	TD2	82-83	2	12		78	DUNG QU	Vietnamese
3	ĐÌNH THAI SƠN	TD2	79	1	10		69	DUNG QU	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HOÀNG	TD2	78	1	6		82	DUNG QU	Vietnamese
5	MAI DUY KHÁNH	TD2	88-89	2	17		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG MẠO	TD2	92	1	15	7	70	BAKER HU	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU MAI	TD2	90-91	2	18		60	BAKER HU	Vietnamese
8	PHẠM NGUYỄN THANH KHOA	TD2	86-87	2	18		72	BAKER HU	Vietnamese
9	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	TD2	94-95	2	18		66	BAKER HU	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD2	84-85	2	18		75	BAKER HU	Vietnamese
11	ĐỖ MINH HỘI	TD2					75	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ ĐẶNG THANH	TD2	76	1	2		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	TD2					68	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN CÔNG	TD2	77	1	6		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

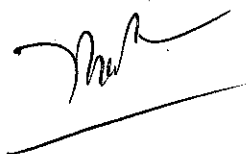
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	19	158	977	72	11		THAO I GHE DOI DE CHO HANG
2	RC4	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		14	19	158	977	72	15		
WEIGHT KG				158	977	72			

GRAND TOAL: 1.207 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: RP3 - RP2 - P1	CREW: Khang - Duong - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

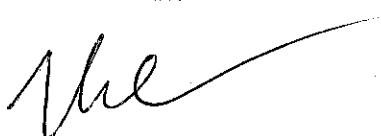
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TINH	RP3	33	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
2	LE HUU TUONG	RP3	34	1	5	20	60	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN TOAN THANG	RP3	30	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG SỰ	RP3	31-32	2	11		76	CODIEN	Vietnamese
5	PHAM THE QUANG	RP2	79	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN GIA CUONG	RP2	83	1	8	60	65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN LE ĐĂNG QUANG	RP2	80	1	12	25	82	KH-THAC	Vietnamese
8	VU THAI THANH	RP2	82	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU NAM	RP2	81	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HUY TAN	P1	22-23	2	10		65	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN THUONG	P1	24	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH HAI	P1	21	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VIET THANH	P1	13-015	2	12	15	72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN XUAN LANH	P1	15	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VAN THANG	P1	25	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN THANG	P1	14	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG THO	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
18	VI KHAC THANH	P1	20	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LUU VAN TUAN	P1	27	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHANH DUY	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DUY KHANH	P1	26	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

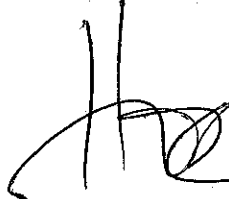
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	4	5	33	281	20	0		
2	RP2	5	5	49	347	85	0		
3	P1	12	12	72	850	15	22		
TOTAL		21	23	154	1.478	120	22		
WEIGHT KG				154	1.478	120			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: P2 - PVD2	CREW: Vậ - D Nam - Năm	ETA: 11:25
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	K. LING	P2	92	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
2	TANG MANH HA	P2	19	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN PHONG	P2	21	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TUONG ANH CAC	P2	20	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LE SINH TAM	P2	90	1	4		94	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC LAM	P2	97	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE DINH HUAN	P2	15	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NGOC DUNG	P2	93	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HUNG	P2	18	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HAI	P2	24	1	12		94	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUY TRUONG	P2	22	1	3		67	KHI	Vietnamese
12	DINH NGOC QUY	P2	23	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	PHAM VAN LONG	P2	16-17	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRAN VINH	P2	94	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
15	DUONG TUAN VIET	P2	91	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN VUI	P2	89	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
17	LE PHUC HOANG	P2	95-96	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN HUY	PVD2	42	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TRI	PVD2	43	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG HOANG	PVD2	41	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	19	137	1.196	0	15		
2	PVD2	3	3	28	210	40	7		
TOTAL		20	22	165	1.406	40	22		
WEIGHT KG				165	1.406	40			

GRAND TOAL: 1.611 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2020	TO: TD3 - P1 - TTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Khang - Duong - Luy	ETA: 13:30
VANG-3			

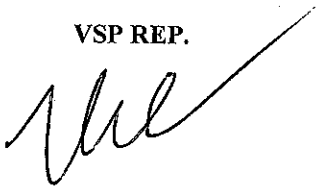
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TẤT HOÀ	TD3				30	80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUẬN	TD3	18	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN LONG	TD3	02	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM MINH DƯƠNG	TD3	19	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HÀ	TD3	59-60	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH SƠN	TD3	03	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH SỰ	TD3	01	1	2		65	PSV	Vietnamese
8	BÙI HUY NGHIỆP	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	05	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TỰ	P1	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ HỮU CHUNG	P1	06	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG TIẾN	P1	07	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	02	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	08	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO ĐĂNG PHONG	P1	01	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH HIẾU	P1	29	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1					58	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ NGUYỄN MINH PHƯỚC	TTC1	18-19	2	20	20	71	XAYLAP	Vietnamese
20	BÙI SƠN HAI	TTC1	20	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	7	39	509	30	6		
2	P1	11	9	45	737	0	14		
3	TTC1	2	3	30	136	20	2		
TOTAL		20	19	114	1.382	50	22		
WEIGHT KG				114	1.382	50			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 07	TO: VSP01 - BK5 - P2	CREW: Văn - Mạnh - Q.Trường	ETA: 13:35
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐỨC	VSP01	55	1	10		72	CTY LONG	Vietnamese
2	NGO VAN SON	VSP01	56	1	7		62	CTY LONG	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MANH	VSP01	400	1	6		59	CTY LONG	Vietnamese
4	MAI THANH TUAN	VSP01	54	1	11		61	CTY LONG	Vietnamese
5	MAI VAN VUI	VSP01	95	1	7		49	TRUONG	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LOC	VSP01	63	1	6		59	TRUONG	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC KHOA	VSP01	19-20	2	7		45	TRUONG	Vietnamese
8	NGUYEN NHAN BAO	VSP01	57-59	3	11		66	TRUONG	Vietnamese
9	NGUYEN VAN QUI	VSP01	62	1	6	65	62	TRUONG	Vietnamese
10	LE MINH NGA	VSP01	61	1	7		54	TRUONG	Vietnamese
11	NGO VAN THANH	VSP01	60	1	7		63	TRUONG	Vietnamese
12	LUONG DINH LAC	VSP01	93-94	2	10		64	TRUONG	Vietnamese
13	PHAM NGOC SANG	VSP01	96	1	5		67	TRUONG	Vietnamese
14	NGUYEN DUY KHAI	VSP01	99	1	5		59	TRUONG	Vietnamese
15	NGUYEN HUU Y	VSP01	97	1	10		92	TRUONG	Vietnamese
16	TRAN SON THIEN	VSP01	98	1	6		56	TRUONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	16	20	121	990	65	0		
2	BK5	0	0	0	0	0	3		
3	P2	0	0	0	0	0	19		
TOTAL		16	20	121	990	65	22		
WEIGHT KG				121	990	65			

GRAND TOAL: 1.176 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN